SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN
ĐẾN Số: 2099
Ngày 20/10/2017
Chuyển.....
Lưu hồ sơ số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 309 /KH-UBND	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2017*

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch 265/KH-UBND ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy tại các đơn vị trường học trong tỉnh;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa việc triển khai và thực hiện Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

Xác định rõ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện theo đúng lộ trình; đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, có sự quản lý và phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN

1. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các đơn vị trường học thuộc khối cao đẳng, trung học phổ thông, trung học cơ sở đã đầu tư trang bị đáp ứng tương đối tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh.

Tính đến đầu năm học 2016-2017, việc dạy học Tin học ở các trường:

+ 39/39 (100%) trường THPT có phòng máy tính, với 100% học sinh được học Tin học;

+ 137/171 (80,1%) trường THCS có phòng máy tính, với học sinh học Tin học 38338/60952 = 62,90 %; lớp học Tin học 1308/1803 = 72,54 %;

+ 84/171 (49,1%) trường tiểu học có phòng máy phục vụ học tin học; học sinh học Tin học 24230/97387 = 24,88%; lớp học Tin học 820/3079 = 26,63%.

- 100% các trường THCS, THPT trong tỉnh đã được trang bị một số máy chiếu, màn chiếu đa năng phục vụ việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên một cách thường xuyên và hiệu quả.

- 100% các trường học đều đã được trang bị máy tính và kết nối Internet;

Trong năm học, ngành giáo dục tiếp tục mua sắm bổ sung máy tính, trang thiết bị CNTT và các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng việc giảng dạy và đào tạo Tin học trong đó kết nối mạng nội bộ (LAN) và Internet phục vụ dạy và học Tin học cho giáo viên và học sinh. 100% cán bộ, công chức tại các phòng giáo dục đều có máy tính sử dụng trong công việc.

Hạn chế:

- Số lượng máy tính, các thiết bị CNTT còn thiếu nhiều so với nhu cầu học tập và ứng dụng CNTT hiện tại. Đa số các trường đều thiếu máy tính, máy móc xuống cấp không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu cho dạy học. Một số cơ sở giáo dục nằm trong khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc đầu tư cho cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT thấp nên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ CNTT trong năm học. Ngành Giáo dục và Đào tạo chưa có phòng họp trực tuyến, việc tổ chức hội nghị, họp, tập huấn thường diễn ra trực tiếp hoặc qua phòng họp ảo (do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp).

- Kinh phí đã đầu tư cho lĩnh vực CNTT của ngành Giáo dục và Đào tạo trong những năm qua còn hạn chế: Chỉ tập trung cho mua bổ sung máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý, nâng cấp, mua sắm một số phần mềm phục vụ soạn giảng bài giảng điện tử và duy trì tên miền các website của đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Hiện trạng về nguồn nhân lực

- Toàn ngành có 100% đơn vị thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo điều hành và đổi mới phương pháp dạy học; hầu hết cán bộ, công chức, viên chức biết sử dụng máy tính trong công việc, các đơn vị đều có cán bộ kiêm nhiệm phụ trách CNTT (chưa có cán bộ chuyên trách).

- Số giáo viên dạy môn Tin học ở các cấp học: Tiểu học 81, THCS: 188, THPT 109 giáo viên; 100% giáo viên có khả năng ứng dụng CNTT hiệu quả trong giảng dạy, tích cực sử dụng, trao đổi sinh hoạt chuyên môn qua trang mạng

"Trường học kết nối".

Hạn chế:

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về vai trò của ứng dụng CNTT chưa cao, tỷ lệ sử dụng thư điện tử, việc sử dụng các phần mềm, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc còn hạn chế.

Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác CNTT tại các cơ sở kiêm nhiệm nhiều công tác khác trong khi đó chưa có cơ chế đãi ngộ thích hợp, một số cán bộ trình độ còn hạn chế dẫn đến chất lượng và hiệu quả công tác chưa cao.

3. Hiện trạng về ứng dụng CNTT

- Ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản điều hành:

Sở Giáo dục và Đào tạo, 10 phòng Giáo dục và Đào tạo và 100% trường học trực thuộc Sở triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (đã giảm đáng kể chi phí, thời gian gửi nhận văn bản, tài liệu giữa các đơn vị).

- Sử dụng hệ thống thư điện tử:

Hệ thống thư điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*@moet.edu.vn) đã được triển khai, đưa vào khai thác tại 100% các cơ quan, cơ sở giáo dục. Bên cạnh đó, còn cán bộ, giáo viên sử dụng hộp thư với các tên miền khác nhau, việc sử dụng thư điện tử đã thành nề nếp của cán bộ giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo. Đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, 100% phòng, ban và từng cá nhân cán bộ, công chức được cấp hộp thư điện tử theo tên miền của tỉnh (*@hungyen.gov.vn).

- Cổng thông tin điện tử:

Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Công ty cổ phần phần mềm Quảng Ích triển khai thử nghiệm trong giai đoạn 2016-2017 (http://hungyen.edu.vn) đã đi vào hoạt động với hiệu quả tốt. Các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trường học mầm non, tiểu học, THCS, THPT, các trung tâm GDNN-GDTX đều có trang thông tin điện tử là thành viên cổng thông tin điện tử của Sở, tuy nhiên một số đơn vị ít cập nhật thông tin, việc cung cấp thông tin, văn bản chưa kịp thời.

- Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (Eschool)

Công ty cổ phần phần mềm Quảng Ích phối hợp và Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục tới các đơn vị trường học. Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành; thực hiện tin nhắn điều hành tới các đơn vị cơ sở có hiệu quả; khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; hoàn thiện một số hệ thống phục vụ cho công tác chuyên môn. Các đơn vị nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục đã sử dụng hệ thống Eschool một cách hiệu quả. Phấn đấu tới năm 2018 hệ thống Eschool sẽ chính thức đi vào hoạt động phục vụ tốt cho công tác quản lý điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục. Các phần mềm Sổ liên lạc điện tử do các đơn vị đã triển khai trước đó như Smas, VNPT School ... yêu cầu các đơn vị xây dựng công cụ kết nối vào hệ thống dữ liệu trung của toàn ngành.

- Một số các ứng dụng chuyên ngành đang triển khai:

Hiện nay, 100% các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã triển khai sử dụng thống nhất, đồng bộ các phần mềm ứng dụng trong toàn ngành như:

- Phần mềm quản lý nhân sự (PMIS và ePMIS);
- Hệ thống sinh hoạt chuyên môn trường trực tuyến (truonghocketnoi.edu.vn);
- Phần mềm kế toán MISA;
- Quản lý thống kê giáo dục EMIS nay là Thống kê trực tuyến;
- Hệ thống quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại 10 huyện, thành phố;
- Hệ thống quản lý trường học phần mềm VEMIS, VEMIS, BDEEMIS của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phần mềm Quản lý nhà trường SMAS của Tập đoàn Viễn thông Quân đội và Hệ thống quản lý thông tin nhà trường VNEDU của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- Tổ chức tốt các hoạt động trực tuyến, hoàn thành triển khai phần mềm phổ cập giáo dục và chống mù chữ, phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non và các trường phổ thông, Hệ thống quản lý rủi ro thiên tai ngành Giáo dục và Đào tạo, phần mềm thống kê chất lượng giáo dục tiểu học để cung cấp số liệu cho bậc học;
- Hệ thống ngân hàng câu hỏi, phần mềm thi tập trung trực tuyến cho giáo viên và học sinh khối các trường phổ thông (MasterTest Online);
- Tập huấn, triển khai phần mềm soạn bài giảng E-learning, các phần mềm hỗ trợ dạy và học cho toàn bộ giáo viên, học sinh của ngành và khuyến khích sử dụng phần mềm mã nguồn mở để tiết kiệm chi phí và tránh vi phạm bản quyền phần mềm. Một số phần mềm do các trường chủ động thực hiện nhằm tăng cường sự quản lý học tập và rèn luyện học sinh như: Sổ liên lạc điện tử SMAS 3.0.

Đánh giá: Nhìn chung, việc triển khai ứng dụng CNTT về cơ bản đã đạt được mục tiêu ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015, góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác dạy học, công tác quản lý. Hạ tầng kỹ thuật CNTT được đầu tư đảm bảo kết nối và triển khai các ứng dụng dùng chung để trao đổi thông tin trên môi trường mạng nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Hạn chế:

- Hệ thống VEMIS (là hệ thống phần mềm quản lý trường học đã triển khai đồng bộ trong toàn tỉnh từ năm học 2011-2012) hiện nay không được nâng cấp cho phù hợp với thay đổi về đánh giá học sinh, không chạy trực tuyến online; các đơn vị giáo dục sử dụng nhiều phần mềm quản lý trường học khác nhau dẫn đến việc quản lý các đơn vị và trường học chưa được thống nhất, tập trung, hiệu quả thấp; chưa xây dựng được kho học liệu dùng chung có chất lượng; chưa có cơ sở dữ liệu toàn ngành, chưa có hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, 4. Quản lý hành chính xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng còn thấp.

4. Công tác đảm bảo an toàn thông tin

Nhìn chung, công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong thời gian qua chưa đáp ứng yêu cầu. Internet và công nghệ thông tin hiện nay phát triển rất nhanh cả về số lượng, quy mô, công nghệ và độ phức tạp nên còn tồn tại cũng như liên tục phát sinh mới các điểm yếu, hầu như không áp dụng biện pháp đảm bảo an toàn thông tin và chưa có quy trình để ứng phó khi có sự cố xảy ra. Tỷ lệ máy tính được đầu tư trang bị phần mềm diệt virus (bao gồm, phần mềm miễn phí và trả phí) còn thấp.

III. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý, điều hành tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học, công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo trong toàn tỉnh góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2020

- Trong công tác quản lý, điều hành:

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành Giáo dục và Đào tạo;

+ Phấn đấu 100% các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện quản lý hành chính xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng;

+ 80% cuộc họp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục được áp dụng hình thức trực tuyến;

+ 80% lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning);

+ 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4, kết nối với chương trình triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh (do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì), tập trung các dịch vụ phục vụ phụ huynh, học sinh, cung cấp miễn phí thông tin về điểm học tập và rèn luyện học sinh; dịch vụ tuyển sinh đầu cấp (nộp hồ sơ trực tuyến, công khai danh sách đăng ký, công khai kết quả xét tuyển sinh và trả kết quả qua mạng),

- Trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý:

+ Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: Hình thành kho học liệu số dùng chung toàn ngành, gồm: Bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường; trong đó 100% trường học sử dụng sổ quản lý điện tử.

+ Đối với khối giáo dục đại học: Hình thành cổng thông tin thư viện điện tử toàn ngành liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo; áp dụng phương thức học tập kết hợp; phát triển một số mô hình đào tạo trực tuyến (cyber university).

2.2. Định hướng đến năm 2025

Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN, đáp

ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Công nghệ thông tin trở thành động lực đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá trong giáo dục và đào tạo.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống CNTT theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu ở các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

+ Nâng cấp hạ tầng kết nối truy truy cập Internet băng thông rộng tốc độ cao ở tất cả các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin tập trung theo mô hình điện toán đám mây phục vụ quản lý, dạy và học của các cơ quan, đơn vị.

+ Xây dựng, nâng cấp, duy trì, vận hành ổn định hệ thống phòng họp trực tuyến qua mạng giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các đơn vị.

+ Trang bị đủ máy tính cho cán bộ, công chức, viên chức Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; thay máy tính cá nhân mới cho các máy đã khấu hao hết hoặc cấu hình quá thấp; trang bị và cập nhật những phần mềm mới phục vụ cho công tác.

+ Trang bị đủ máy tính cho các trường phục vụ nhu cầu dạy - học Tin học.

- Chú trọng đầu tư hệ thống CNTT cho các phòng thí nghiệm ở các cơ sở giáo dục đại học;

- Ưu tiên lồng ghép nguồn lực từ chương trình, đề án, hiện có, thuê dịch vụ CNTT và xã hội hóa. Triển khai các hệ thống, giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá.

2. Triển khai hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu

a) Triển khai hệ thống cổng thông tin điện tử toàn ngành Giáo dục và Đào tạo phục vụ việc trao đổi thông tin, văn bản chỉ đạo, điều hành cho Sở, Phòng và toàn bộ các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX trong toàn tỉnh đảm bảo tính đồng bộ, thông suốt và đi vào hoạt động chính thức năm 2017.

b) Triển khai hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu đồng bộ với hệ thống dữ liệu quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo (quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ công chức, viên chức giáo dục, hồ sơ học sinh, kết quả học tập từng khối, lớp, khóa), kết nối, liên thông tích hợp, chia sẻ thông tin đối với các hệ thống thông tin từ tỉnh đến địa phương.

c) Triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử và liên thông toàn ngành; hệ thống họp, hội thảo, tập huấn chuyên môn qua mạng; bổ sung, cập nhật các dịch vụ công tối thiểu mức độ 3, đẩy mạnh ứng dụng CNTT tuyển sinh đầu cấp học.

d) Quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu sổ quản lý điện tử; tích hợp với trang tin điện tử của nhà trường trên môi trường mạng ở tất cả các cấp học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

Việc mua sắm, triển khai các hệ thống phải đồng bộ, quản lý chặt chẽ, các hệ thống phải đáp ứng được tính hiện đại liên tục được cập nhật công nghệ mới,

nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, đơn vị sử dụng phải dễ dàng khai thác sử dụng hiệu quả và làm chủ được cơ sở dữ liệu.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Xây dựng và thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong toàn ngành, gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

b) Tiếp tục xây dựng và thường xuyên cập nhật hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ học sinh, giáo viên giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

c) Ứng dụng dạy - học thông minh ở các cơ sở giáo dục và đào tạo, địa phương có đủ điều kiện trên nguyên tắc thiết thực, hiệu quả.

d) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) liên thông, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo đại học nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo.

đ)Triển khai hệ thống học tập trực tuyến tại các cơ sở đào tạo đại học; lựa chọn, sử dụng các bài giảng trực tuyến của nước ngoài phù hợp với điều kiện trong nước.

e) Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học trực tuyến trên cơ sở các trường hiện có bằng nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, doanh nghiệp.

g) Phát động, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về ứng dụng CNTT trong giáo viên, nhân viên... Triển khai, phổ biến, tuyên dương, khen thưởng các nghiên cứu khoa học, các ứng dụng do giáo viên thực hiện về nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy - học có hiệu quả tốt trên toàn ngành.

h) Tăng cường ứng dụng CNTT trong mọi khâu của hoạt động quản lý khoa học công nghệ: từ xét duyệt đề tài, dự án, giám sát triển khai cũng như công khai cơ sở dữ liệu các đề tài, dự án, cơ sở dữ liệu các tổ chức chủ trì và nhà khoa học.

4. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

- Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý am hiểu lĩnh vực CNTT, công chức, viên chức phụ trách CNTT của các đơn vị có đủ năng lực, trình độ chuyên môn giúp đơn vị triển khai ứng dụng CNTT có hiệu quả.

+ Tăng cường quản lý, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên trực tuyến, trên môi trường mạng, thường xuyên cập nhật nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục và đào tạo có đủ điều kiện.

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chuyên trách chất lượng cao

+ Triển khai các chương trình đào tạo tiên tiến tại các trường cao đẳng theo lựa chọn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Lựa chọn, sử dụng chương trình, giáo trình, khóa học trực tuyến của nước ngoài; tăng cường dạy - học công nghệ thông tin bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ khác; tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc thực tế; áp dụng

các chuẩn sát hạch tiên tiến trong các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm về công nghệ thông tin.

5. Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội công nghệ thông tin trong và ngoài nước

a) Tăng cường hợp tác, giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ thông tin áp dụng, triển khai trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức hợp tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, ưu tiên xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu toàn ngành.

c) Ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin do các doanh nghiệp cung cấp phục vụ lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

6. Tuyên truyền trên các phương tiện thuông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá.

7. Hoàn thiện cơ chế chính sách và tăng cường giám sát, đánh giá.

a) Xây dựng các văn bản đảm bảo môi trường pháp lý cho các hoạt động quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học trên môi trường điện tử; lồng ghép các chính sách, nội dung về ứng dụng CNTT khi xây dựng các văn bản của tỉnh.

b) Xây dựng, ban hành quy chế về ứng dụng và khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học.

d) Hàng năm, tổ chức đánh giá, công bố chỉ số xếp hạng công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

đ) Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị về trách nhiệm trong việc hoàn thành các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu đồng thời nhắc nhở, kiểm điểm các tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học.

V. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

- Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách;

- Nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai ứng dụng CNTT cho ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Huy động các nguồn vốn khác nhau trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng công nghệ, nguồn vốn ODA và hợp tác với nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT.

- Nguồn thu của các cơ sở giáo dục và đào tạo; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa khác.

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, hợp tác công tư (PPP).

VI. TIẾN ĐỘ VÀ KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

TT	Thời gian	Nội dung thực hiện	Kinh phí (VNĐ)
1	Năm 2017	Kinh phí triển khai cổng thông tin điện tử của ngành.	4.000.000.000
2	Năm 2018	Kinh phí triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục	3.500.000.000
3	Năm 2019	Kinh phí xây dựng và cập nhật hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ học sinh, giáo viên THCS, THPT.	5.000.000.000
		Kinh phí triển khai hệ thống phục vụ việc xử lý trực tuyến các thủ tục hành chính mức độ 3, 4 (các dịch vụ dành cho phụ huynh, học sinh: thông báo điểm học tập rèn luyện miễn phí; dịch vụ xét tuyển học sinh đầu cấp học, nộp hồ sơ trực tuyến, công khai danh sách đăng ký, công khai kết quả xét tuyển và trả kết quả qua mạng...)	1.000.000.000
4	Năm 2020	Xây dựng và thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong toàn ngành, gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.	6.000.000.000
			19.500.000.000

Ngoài ra, các địa phương, đơn vị chủ động cân đối kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành theo kế hoạch bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Cụ thể hóa các nội dung của kế hoạch trong hướng dẫn nhiệm vụ công nghệ thông tin hàng năm của ngành Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo ứng dụng CNTT đồng bộ và đúng tiến độ.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển nhân lực công nghệ thông tin của kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện kế hoạch; giao, phân bổ dự toán chi ngân sách; cấp phát kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan bố trí nguồn vốn, lập kế hoạch đầu tư phát triển theo cơ chế hỗ trợ để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật; hướng dẫn quản lý đầu tư thực hiện các nội dung thuộc kế hoạch; giám sát, kiểm tra các công việc có sử dụng vốn đầu tư phát triển.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, theo dõi, tổ chức thẩm định nghiệm thu và phổ biến sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

6. Các sở, ban ngành khác

Ban Quản lý Khu Đại học Phố Hiến, Báo Hưng Yên, Đài phát thanh truyền hình tỉnh và các sở, ban, ngành trong tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tuyên truyền, thực hiện các nội dung Kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung, giải pháp của kế hoạch để cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý triển khai và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Căn cứ kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, KGVX[H].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng